TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Đấu.

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Xuyên, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên toà*: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST - HNGĐ ngày 17/7/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1989 (CCCD số 091189015404, cấp ngày 10/01/2023, nơi cấp Cục QLHC về TTXH) (*Có đơn xin vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1981 (CMND số 370886991) (*Vắng mặt lần 2, không có lý do*).

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày và yêu cầu như sau*:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh V chung sống với nhau từ năm 2003. Trước khi chung sống, anh chị có quen biết nhau trước thì cả 02 tự nguyện tiến tới hôn nhân, không bị ai ép buộc. Chị và anh V có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2009 vào ngày 11/5/2009.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, anh V và người phụ nữ đó có 01 con chung, khi chị T phát hiện thì anh V hứa rất nhiều lần nhưng không sửa đổi, dẫn đến việc chị và anh V thường xuyên cự cãi nhau, mỗi lần cự cãi là anh Võ Đ phá đồ đạc trong nhà và đánh con. Do đó, chị và anh Võ ly T1 với nhau từ tháng

01/2025 cho đến nay. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân, anh V thường xuyên đến tìm chị T nhiều lần để kiếm chuyện và đập phá xe của chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Võ ngày C trầm trọng hơn và việc kéo dài thời gian cũng không thể hàn gắn do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Chị T và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Chí H (*sinh ngày 10/12/2004 đã trưởng thành*) và Nguyễn Chí H1 (*sinh ngày 02/4/2012*). Nay, cháu H đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết.

Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác nhận không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tấn V trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Anh V xác nhận, anh và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2009 vào ngày 11/5/2009.

Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì chị T bỏ nhà đi nơi khác sinh sống nên anh có quen 01 người phụ nữ khác và có 01 con chung với người phụ nữ này.

Đến năm 2019, chị T về P sinh sống thì anh và chị T tiếp tục chung sống cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T thường xuyên ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cự cãi.

Nay, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về con chung*: Anh V xác nhận, anh và chị T có 02 con chung tên tên Nguyễn Chí H (*sinh ngày 10/12/2004 đã trưởng thành*) và Nguyễn Chí H1 (*sinh ngày 02/4/2012*). Nay, anh đồng ý giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh V xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- *Chị T và anh V:* Vắng mặt không có lời trình bày.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời han thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 195 Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Đối với các đương sự thì nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt

không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T được ly hôn anh Nguyễn Tấn V.

+ *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Chí H1 (*sinh ngày 02/4/2012*) cho chị T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H1. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh V xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại tổ C, khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh V vắng mặt lần 2 không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 203 cho đến năm 2009 thì anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2009 vào ngày 11/5/2009 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh V: Chị T cho rằng trong thời gian chung sống giữa chị và anh V thường xuyên cự cãi do anh V có mối quan hệ và có con chung với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn của anh chọ kéo dài không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay, sự việc này cũng được anh V thừa nhận là đúng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh V không tham gia các phiên hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ. Tuy nhiên, anh V có ý kiến anh không đồng ý ly hôn nhưng chị T cương quyết ly hôn thì anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T được ly hôn với anh V.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết, chị T và anh V xác định, có 02 con chung là Nguyễn Chí H (*sinh ngày 10/12/2004 đã trưởng thành*) và Nguyễn Chí H1 (*sinh ngày 02/4/2012*).

Hiện nay, cháu H đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với cháu H1, chị T có yêu cầu đực tiếp tục nuôi dững và anh V cũng đồng ý giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu này của chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu H1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh V xác định không có, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị T chịu toàn bộ án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn V.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Chí H1 (*sinh ngày 02/4/2012*) cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Chí H (*sinh ngày 10/12/2004*) đã trưởng thành, chị T và anh V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh V xác định không có nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (thuận tình ly hôn)*: Chị Nguyễn Kim T tự nguyện chịu toàn bộ án phí số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012790 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang*) nên chị T không phải nộp thêm.

5. *Quyền kháng cáo:* Chị T và anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - AG;
- Phòng THADS khu vực 2 – AG;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã Thạnh Đông - AG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình